

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## NĂM 2017



**VINAINCON**  
*VÌ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH*


# MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>3</b>
1. Thông tin tổng quan .....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển .....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	4
4. Mô hình quản trị .....	4
4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý .....	4
4.2. Chức năng nhiệm vụ .....	6
4.3. Công ty con, công ty liên kết .....	6
5. Định hướng phát triển .....	8
6. Rủi ro .....	9
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017</b> .....	<b>10</b>
1. Tình hình sản xuất kinh doanh .....	10
2. Tổ chức và nhân sự .....	10
2.1. Giới thiệu Ban lãnh đạo .....	10
2.2. Chính sách đối với người lao động .....	11
3. Tình hình đầu tư tài chính .....	12
4. Tình hình tài chính .....	12
4.1. Tình hình tài chính (Số liệu tài chính hợp nhất năm 2017) .....	12
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu .....	13
5.1. Cổ phần .....	13
5.2. Cơ cấu cổ đông .....	13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội .....	13
<b>III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....	<b>14</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh: .....	14
2. Tình hình tài chính (Số liệu hợp nhất toàn Tổng công ty) .....	15
2.1. Tình hình tài sản .....	15
2.2. Tình hình Nợ phải trả .....	16
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	16
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 .....	16
4.1. Kế hoạch năm 2018 toàn Tổng công ty .....	16
4.2. Kế hoạch năm 2018 tại Công ty mẹ .....	17
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY</b> .....	<b>17</b>
1. Hội đồng quản trị .....	17
1.1. Thành viên Hội đồng quản trị .....	17
1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị .....	18
1.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty: .....	21
2. Ban Kiểm soát .....	22
3. Các giao dịch, tiền lương cán bộ quản lý, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát .....	22
<b>V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	<b>23</b>
1. Ý kiến kiểm toán: .....	23
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: .....	23



# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. Thông tin tổng quan

Tên công ty	<b>Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam</b>
Tên tiếng Anh	Viet Nam Industrial Construction Corporation
Tên viết tắt	VINAINCON
Trụ sở	Tòa nhà Vinaincon, số 5, đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	024.35142145
Fax	024.38560629
Website	<a href="http://www.vinaincon.vn">http://www.vinaincon.vn</a>
Vốn điều lệ đăng ký	550.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	550.000.000.000 đồng
Logo	 <b>VINAINCON</b> <i>VÌ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH</i>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số : 0100779365 do: Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/1998, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 01/6/2011

## 2. Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện
<b>Ngày 22 tháng 9 năm 1998</b>	Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam được thành lập theo theo Quyết định số 63/1998/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) trên cơ sở hợp nhất các đơn vị xây lắp thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Hóa chất Việt Nam, Tổng công ty Thép Việt Nam và các Công ty xây dựng chuyên ngành thuộc ngành Công nghiệp Việt Nam.
<b>Giai đoạn 1998 – 2003</b>	Đây là thời kỳ Tổng công ty mới được thành lập, tập trung hoàn thiện bộ máy, tập hợp lực lượng để ổn định tổ chức và tạo dựng thương hiệu trên thị trường. Trong giai đoạn này, giá trị sản lượng toàn Tổng công ty tăng từ 1.860 tỷ đồng năm 1998 đến 4.686 tỷ đồng năm 2003, doanh thu tăng từ 1.485 tỷ đồng năm 1998 lên 4.063 tỷ đồng năm 2003
<b>Giai đoạn 2003 – 2008</b>	Đây là thời kỳ có nhiều dấu ấn quan trọng của Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam. Trong giai đoạn này, Tổng công ty và các đơn vị tham gia thi công nhiều công trình lớn, trọng điểm quốc gia của ngành, đáng kể như: Hoàn thành hệ thống đường dây và trạm 500kV Nam - Bắc mạch

	<p>2 cùng hàng trăm công trình đường dây và trạm 110kV, 220kV trải khắp chiều dài đất nước; Triển khai xây dựng Nhà máy Xi măng Thái Nguyên – công trình trọng điểm nhóm A đầu tiên do Tổng công ty làm chủ đầu tư. Tổng công ty đã tách một số đơn vị để cổ phần hóa không chi phối.</p> <p>Trong giai đoạn này, giá trị sản lượng năm 2008 đạt 3.663 tỷ đồng, doanh thu đạt 3.290 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 65,8 tỷ đồng</p>
<p><b>Giai đoạn 2008 - nay</b></p>	<p>Đây là giai đoạn Tổng công ty hoạt động trong môi trường kinh tế trong nước có nhiều biến động, khó khăn về thị trường, việc làm, nguồn tín dụng thắt chặt... Tổng công ty vừa phải tiếp tục tổ chức sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, đời sống người lao động, vừa phải hoàn thành công tác cổ phần hóa toàn Tổng công ty, đồng thời tiếp tục phát triển thị trường, cơ cấu lại hoạt động của các đơn vị theo hướng nâng cao hiệu quả.</p> <p>Một số sự kiện tiêu biểu trong giai đoạn này:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 29/12/2009: Chính thức khánh thành Nhà máy xi măng Thái Nguyên với dòng sản phẩm Xi măng Quang Sơn đã được thị trường đón nhận.</li> <li>- Ngày 0/06/2011: Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần, đây là một quyết tâm, nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV Tổng công ty.</li> </ul>

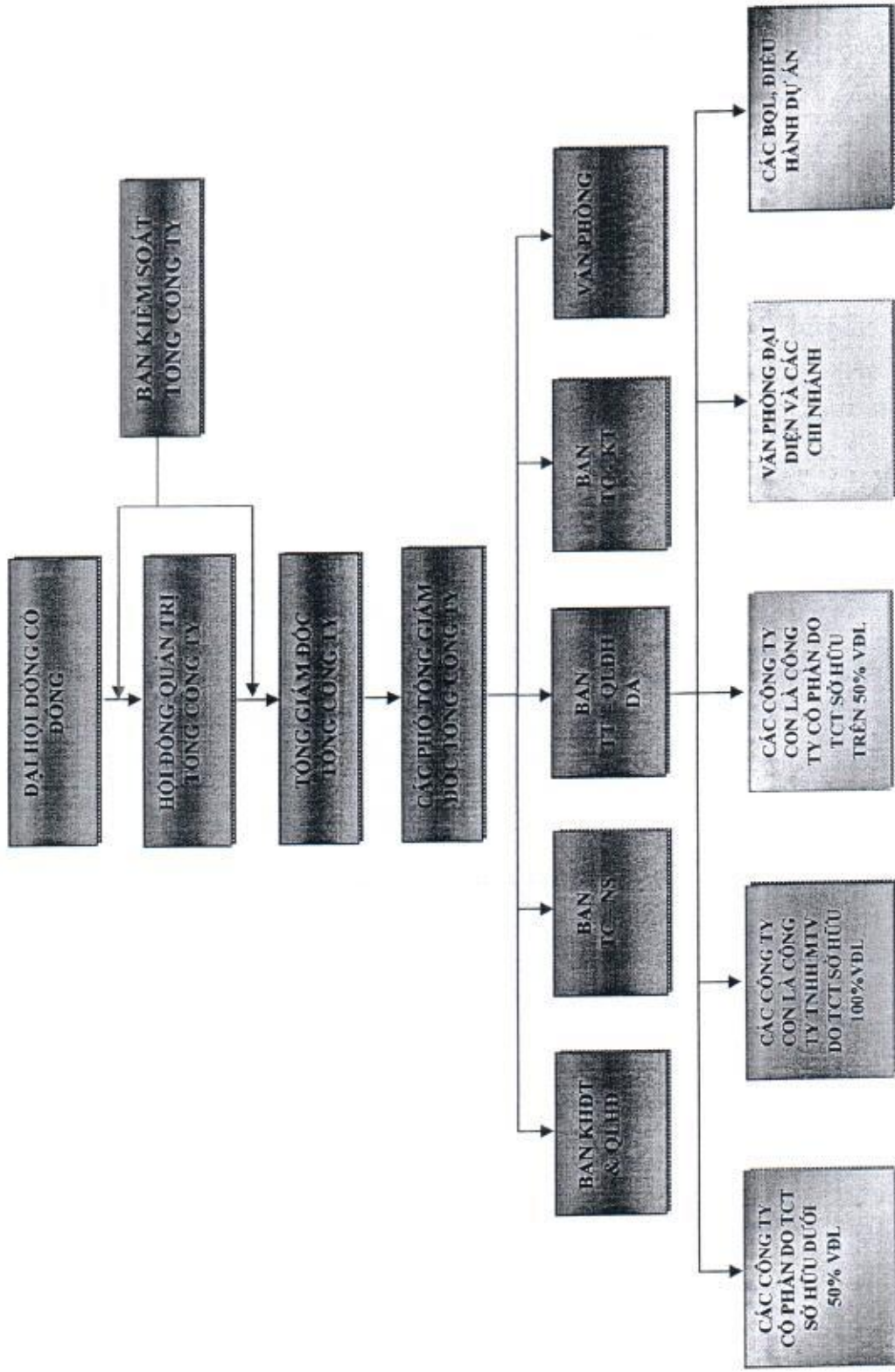
### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngành điện, xây dựng hệ thống lưới điện cao áp đến 500kV thi công silo, ống khói, nhà cao tầng bằng phương pháp cốp pha trượt;
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị, hệ thống ống, hệ thống điện của các nhà máy công nghiệp nặng như các dự án nguồn điện, hóa chất, cơ khí luyện kim, khai thác dầu mỏ...
- Gia công chế tạo thiết bị cơ khí thủy công, thiết bị cơ khí phi tiêu chuẩn cho nhiều ngành công nghiệp, kết cấu thép; thi công bê tông ứng lực căng sau, sản xuất cấu kiện bê tông ứng lực trước.
- Xây dựng chuyên dụng khác.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.

### 4. Mô hình quản trị

#### 4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý





## 4.2. Chức năng nhiệm vụ

### • Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty, trực tiếp bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty.

### • Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

- Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định;

- Các phạm vi khác quy định tại Điều lệ hoạt động của Tổng Công ty.

### • Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại Hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

### • Ban Điều hành Công ty.

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá 5 năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng Giám đốc.

• Các phòng – ban chức năng: thực hiện tham mưu và quản lý chuyên môn.

## 4.3. Công ty con, công ty liên kết

### Danh sách các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	Số 81 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6 quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	Tổ 5, thị trấn Đông Anh, Hà Nội	100%
Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất	Lầu 5, Số 5 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội	100%



Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc	Đường Phạm Liêu, Phường Thọ Xương, Bắc Giang	100%
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	100%
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	Tầng 4, Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	52,15%
Công ty CP Cơ khí xây lắp hóa chất	Thôn Ngô Yến, xã An Hồng, Huyện An Dương, Hải Phòng	71,42%
Công ty CP Bê tông ly tâm Thủ Đức	356A Xa lộ Hà Nội, Phước Long A, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	51%
Công ty CP XNK Thương mại hợp tác nhân lực quốc tế VN	156 Xã Đàn 2, Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội	51%
Công ty CP Đầu tư xây dựng số 5	Lầu 6, số 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	51%
Công ty CP Đầu tư và khoáng sản Vinaincon	Lầu 7, Số 5 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội	51%
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, Long Xuyên, An Giang	50,69%
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Vinaincon 6	Lầu 2, 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP Hồ Chí Minh	51%

**Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng	Tầng 15 tòa nhà TTC phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	23,11%
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng VINAINCON	Lầu 3, Số 5 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội	20,7%
Công ty CP Cơ khí Hồng Nam	Phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	27,37%
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Công nghiệp	158 Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Hà Nội	36%
Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	Quang Sơn, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	25%
Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	Vũ Phạm Hàm, Cầu Giấy, Hà Nội	41,18%

Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Thôn Tháp Phan, Đồng Lạc, Nam Sách, Hải Dương	20%
Công ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	Lầu 4, Số 5 Phố Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	27,99%
Công ty CP Xây lắp thương mại Công nghiệp Thăng Long	Tầng KTM nhà CT1 khu Nàng Hương, Phường Văn Quán, Hà Đông	18%
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất công nghiệp	Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Trung Thành, TP Thái Nguyên	8,45%
Công ty CP Lắp máy và Xây dựng điện Miền Nam	22 Lý Tự Trọng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	11,03%
Công ty CP Tư vấn thiết kế công nghiệp dân dụng	146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	7,48%
Công ty CP Xây dựng công nghiệp	146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	2,77%
Công ty CP Bao bì Sông Công	Tổ 4, Phường Phố Cò, Thị xã Sông Công, Thái Nguyên	18,99%
Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả	Thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	0,46%

### 5. Định hướng phát triển

- Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu của VINAINCON, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất, về quy mô trong toàn VINAINCON, nâng cao năng lực chế tạo cơ khí, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong nước và nước ngoài, khẳng định thương hiệu VINAINCON với vai trò xây dựng cơ sở hạ tầng ngành điện và các công trình công nghiệp của Việt Nam và vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.

- Xây dựng VINAINCON trở thành một Tổng công ty mạnh, có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn



kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh và khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phát triển tập trung vào các ngành nghề chính đã chọn, VINAINCON sẽ sắp xếp các đơn vị thành viên và phân công chuyên môn hóa, tập trung vào chuyên ngành phù hợp với năng lực, sở trường, kinh nghiệm và xây dựng quy mô đủ lớn để tạo ra thế cạnh tranh.

Một số định hướng phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn 2016 – 2020 như sau:

- Mua sắm máy móc thiết bị: Đầu tư, mua sắm trang thiết bị cho xây dựng, sản xuất.  
- Tập trung nâng cao năng lực thi công các dự án xây dựng của các nhóm dự án và của các nhân viên trong công ty, tạo thành một tập thể với nhân sự giàu khả năng, kinh nghiệm và có sức cạnh tranh cao.

- Mở rộng thêm đối tượng xây dựng: Bên cạnh xây dựng các dự án trong điểm của Nhà nước, VINAINCON mở rộng ra các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng các công trình có vốn vay ODA, xây dựng các nhà máy công nghệ cao cho các doanh nghiệp FDI.

- Tham gia chương trình nội địa hóa chế tạo cơ khí của Chính phủ tại các Dự án lớn trong ngành công nghiệp.

## 6. Rủi ro

### - Rủi ro về kinh tế:

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh chủ yếu là xây lắp, xây dựng cơ bản có sự gắn liền với việc phát triển cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, sẽ phụ thuộc tương đối chặt chẽ vào tốc độ tăng trưởng, mức độ đầu tư cho cơ sở hạ tầng của các khu vực kinh tế. Do đó, triển vọng tăng trưởng lạc quan của nền kinh tế sẽ hứa hẹn mang lại nhiều thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của VINAINCON. Và ngược lại, khi có sự thay đổi theo chiều hướng xấu đi, nền kinh tế rơi vào tình trạng trì trệ, giảm phát sẽ có tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VINAINCON.

### - Rủi ro về luật pháp:

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp (trong đó có các quy định liên quan đến lĩnh vực đầu tư, xây dựng, hoạt động sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng,...) sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Với VINAINCON, là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang loại hình công ty cổ phần, nên cũng gặp trở ngại nhất định, tuy nhiên với năng lực của bộ máy lãnh đạo, Tổng công ty đã thích ứng nhanh chóng với sự chuyển đổi này.

### - Rủi ro hoạt động kinh doanh:

Rủi ro đặc thù của các doanh nghiệp trong ngành là rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh toán. Rủi ro phát sinh sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Rủi ro của VINAINCON có thể phát sinh nợ đọng từ các chủ đầu tư, do các công trình phải thanh toán với các chủ đầu tư thường mất thời gian do thủ tục thanh toán phải được duyệt qua nhiều khâu. Nếu có phát sinh trở ngại, vướng mắc, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán sẽ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty.

VINAINCON đang cố gắng có sự chủ động về nguồn vốn để có khả năng luân chuyển vốn tốt nhất, tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

### 1. Tình hình sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh toàn Tổng công ty

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng/giảm
Tổng doanh thu và thu nhập khác	4.403.586	5.867.475	75%
<i>Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>4.275.124</i>	<i>5.115.825</i>	<i>84%</i>
Tổng chi phí	4.430.667	5.343.163	83%
<i>Trong đó: Giá vốn hàng bán</i>	<i>3.974.983</i>	<i>4.762.701</i>	<i>83%</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-54.121	491.286	
<i>Trong đó: - Lợi nhuận từ SXKD</i>	<i>121.177</i>	<i>139.344</i>	<i>87%</i>
<i>- Lãi/Lỗ của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn</i>	<i>-175.298</i>	<i>351.942</i>	
Cổ tức		27.500	
Nộp NSNN	142.227	184.404	77%

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Giới thiệu Ban lãnh đạo

##### Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Gia Du	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Nguyễn Thế Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	
3	Ông Hoàng Chí Cường	Ủy viên HĐQT	
4	Ông Trần Đức Y	Ủy viên HĐQT	
5	Bà Trần Thị Minh	Ủy viên HĐQT	

##### Ban kiểm soát



STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng Ban Kiểm soát	
2	Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên Ban Kiểm soát	
3	Ông Đặng Quang Cường	Thành viên Ban Kiểm soát	

#### Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Hoàng Chí Cường	Tổng giám đốc	
2	Ông Chu Tuấn Ngọc	Phó Tổng giám đốc	
3	Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Tổng giám đốc	
4	Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng giám đốc	
5	Ông Hoàng Thế Hiền	Kế toán trưởng	

## 2.2. Chính sách đối với người lao động

### Chế độ làm việc:

Tổng công ty luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như cam kết với người lao động đã được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động. Người lao động trong Tổng công ty đều có hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn và hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

### Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, Tổng công ty luôn chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực, có chính sách khuyến khích người lao động thường xuyên học tập, nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

### Chính sách lương, thưởng:

Tiền lương và tiền thưởng được trả cho người lao động theo quy chế lương, thưởng của Tổng công ty, dựa trên cơ sở đánh giá công việc đảm nhận và hiệu quả đạt được của từng chức danh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương được xây dựng đúng luật nhưng vẫn đảm bảo tính công bằng và khả năng khuyến khích đóng góp của các cá nhân và tập thể có trình độ chuyên môn, tay nghề cao.

### Chính sách trợ cấp:

Bên cạnh chính sách tiền lương, tiền thưởng, người lao động làm việc trong Tổng công ty còn được hưởng các chế độ phúc lợi khác nhau như: trợ cấp trong những dịp lễ Tết, hiếu hỉ, ốm đau, hoàn cảnh khó khăn,... Chính sách trợ cấp đã phần nào tạo được sự phấn khởi, thái độ tích cực và sự gắn bó với Tổng công ty nơi người lao động.

- Số lượng lao động bình quân năm 2017 là: 5.300 người.

### 3. Tình hình đầu tư tài chính

Đến 31/12/2017, giá trị đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 556.452 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Đầu tư vào công ty con: 473.306 triệu đồng.
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: 54.263 triệu đồng.
- Đầu tư tài chính dài hạn: 28.883 triệu đồng.

### 4. Tình hình tài chính

#### 4.1. Tình hình tài chính (Số liệu tài chính hợp nhất năm 2017)

DVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	6.288.304	6.536.468	96%
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	4.275.124	5.115.825	84%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-109.286	428.132	
Lợi nhuận khác	82.205	96.181	85%
Lợi nhuận trước thuế	-27.081	524.312	
Lợi nhuận sau thuế	-54.121	491.286	
Trong đó:			
- Lợi nhuận từ SXKD	121.177	139.344	87%
- Lãi/Lỗ Công ty TNHH MTV XMQS	-175.298	351.942	

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

4.2.

DVT: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn $(=TSNH/Nợ NH)$	Lần	1,04	1,11
- Hệ số thanh toán nhanh $(=(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH)$	Lần	0,74	0,78
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	1,01	0,99
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần		
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho $(=GVHB/HTK BQ)$	Lần	4,86	5,45
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,68	0,78

4.2.

4.2.

4.2.

4.2.



<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (tính từ LNST từ hoạt động SXKD)</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%		9,60
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%		629,49
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%		7,51
- Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%		8,36

## **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu**

### **5.1 Cổ phần**

- Tổng số cổ phần: 55.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 55.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

### **5.2 Cơ cấu cổ đông**

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.958</b>	<b>55.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>100</b>
1	Tổ chức	19	47.518.500	475.185.000.000	86,40
2	Cá nhân	1.939	7.481.500	74.815.000.000	13,60
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-	-
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.958</b>	<b>55.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>100</b>

### **Danh sách cổ đông lớn**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %
1	Bộ Công Thương	54 Hai Bà Trưng - Hà Nội	45.512.500	455.125.000.000	82,75

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.**

- Nguồn nguyên vật liệu như sắt thép, xi măng, cát đá.... mua đáp ứng được chủng loại, chất lượng sản phẩm, rõ nguồn gốc xuất xứ, nguyên liệu vật liệu mua về được nhập kho, xuất kho, cuối kỳ được kiểm kê theo quy định, vật tư thừa được nhập lại kho và tái sử dụng một phần.

- Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ chủ yếu là xăng dầu, điện nước, than (đối với sản xuất xi măng), các nguồn năng lượng trên được sử dụng tiết kiệm để giảm chi phí.

- Tiêu thụ nước: Nguồn nước sử dụng cho hoạt động sản xuất sản phẩm được lấy từ hệ thống sông ngòi và được qua xử lý (nếu có). Riêng nguồn nước cho sinh hoạt của người lao động được mua từ các Công ty cung cấp nước sạch.

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Tổng công ty tuân thủ đúng pháp luật về bảo vệ môi trường, không bị xử phạt do vi phạm về bảo vệ môi trường.

- Chính sách liên quan đến người lao động: Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật và Tổng công ty, người lao động tại các công trình vùng khó khăn được đảm bảo điều kiện sinh hoạt, chế độ ưu đãi.

- Thu nhập bình quân của người lao động năm 2017 là: 7.949 triệu đồng/ tháng

- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương: Sử dụng nguồn lực lao động là người địa phương, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách với địa phương, hưởng ứng tham gia và ủng hộ các chương trình phúc lợi, an sinh xã hội của địa phương.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

- Số liệu toàn Tổng công ty:

*DVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	NQ2017	TH2017	%TH/NQ
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	3.990.000	4.403.586	110%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất	(112.763)	(54.121)	
	<i>Trong đó:</i>			
	- LNST từ hoạt động SXKD	86.752	121.177	139%
	- Lỗ Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	(199.515)	(175.98)	
3	Lao động huy động bình quân (người)	6.560	5.300	81%
4	Tổng quỹ lương thực hiện	591.810	505.572	85%
	Trong đó, Quỹ lương quản lý tại Cơ quan Công ty mẹ (không bao gồm quỹ lương các đơn vị hạch toán phụ thuộc và quỹ lương của cán bộ Ban QLĐH dự án Tổng công ty), bao gồm cả Quỹ lương của Cán bộ quản lý chuyên trách.	16.000	16.000	100%
5	Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)	7.517.812	7.949.235	106%

- Số liệu Công ty mẹ:

*DVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	NQ2017	TH2017	%TH/NQ
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	500.000	472.858	95%



2	Lợi nhuận sau thuế TNDN (chưa trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn)	36.000	72.370	202%
3	LNST sau khi trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	16.000	17.370	109%

### Đánh giá về kết quả kinh doanh 2017:

+ Năm 2017 toàn Tổng công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch về doanh thu. Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 4.403 tỷ đồng tăng 10% so với kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2017 đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế toàn Tổng công ty là -54 tỷ đồng (lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 121 tỷ, lỗ của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn là -175 tỷ đồng).

+ Đối với Công ty mẹ, lợi nhuận sau thuế TNDN từ hoạt động SXKD năm 2017 là 17.370 triệu đồng/kế hoạch là 16.000 triệu đồng, tăng 9% so với kế hoạch. Lợi nhuận trên đã bao gồm khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn là 55 tỷ đồng.

## 2. Tình hình tài chính (Số liệu hợp nhất toàn Tổng công ty)

### 2.1. Tình hình tài sản

*DVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số cuối năm 2017	Số đầu năm 2017	Chênh lệch	
			Số tiền	%
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>2.854.779</b>	<b>2.995.386</b>	<b>-140.607</b>	<b>95%</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	424.539	628.736	-204.197	68%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	128.217	111.206	17.011	115%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.434.168	1.362.002	72.166	105%
IV. Hàng tồn kho	817.178	873.944	-56.766	94%
V. Tài sản ngắn hạn khác	50.677	19.498	31.179	260%
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>3.433.525</b>	<b>3.541.082</b>	<b>-107.557</b>	<b>97%</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	9.453	10.070	-617	94%
II. Tài sản cố định	2.971.248	3.108.009	-136.761	96%
III. Bất động sản đầu tư	1.000	1.000	0	100%
IV. Tài sản dở dang dài hạn	79.789	39.969	39.820	199%

V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	234.920	236.220	-1.300	99%
VI. Tài sản dài hạn khác	137.115	145.814	-8.699	94%
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>6.288.304</b>	<b>6.536.468</b>	<b>-248.164</b>	<b>96%</b>

## 2.2. Tình hình Nợ phải trả

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số cuối năm 2017	Số đầu năm 2017	Chênh lệch	
			Số tiền	%
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>2.749.162</b>	<b>2.699.200</b>	<b>49.962</b>	<b>102%</b>
1. Phải trả cho người bán	1.173.181	1.045.340	127.841	112%
2. Người mua trả tiền trước	299.734	282.743	16.991	106%
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	148.202	131.701	116.501	113%
4. Phải trả người lao động	102.548	116.419	-13.871	88%
5. Chi phí phải trả	233.833	318.290	-84.457	73%
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	458	4.646	-4.188	10%
9. Phải trả ngắn hạn khác	224.048	213.931	10.117	105%
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	504.727	512.293	-7.566	99%
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	39.754	57.740	-17.986	69%
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.675	16.096	6.579	141%
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>3.578.638</b>	<b>3.758.988</b>	<b>-180.350</b>	<b>85%</b>

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong thời gian vừa qua, Tổng công ty đã đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục và hoàn thiện lại cơ cấu tổ chức quản lý và năng lực sản xuất, thi công của một số đơn vị làm ăn thua lỗ, kém hiệu quả. Tuy nhiên, trên thực tế việc khắc phục hiệu quả kinh doanh yếu kém của một số đơn vị vẫn chưa đạt được như mong muốn. Đây cũng là một trong những vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong những năm tiếp theo.

## 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

### 4.1. Kế hoạch năm 2018 toàn Tổng công ty

*ĐVT: Triệu đồng*



TT	Chỉ tiêu	KH2018
1	<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>3.500.000</b>
	<i>Trong đó:</i>	
	- Từ hoạt động SXKD	2.900.000
	- Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	600.000
2	<b>Lợi nhuận sau thuế hợp nhất</b>	<b>(115.000)</b>
	<i>Trong đó:</i>	
	- LNST từ hoạt động SXKD	65.000
	- Lỗ Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	(180.000)
3	<b>Lao động huy động bình quân (người)</b>	<b>6.068</b>
4	<b>Tổng quỹ lương thực hiện</b>	<b>567.278</b>
	Trong đó, Quỹ lương quản lý tại Cơ quan Công ty mẹ (không bao gồm quỹ lương các đơn vị hạch toán phụ thuộc và quỹ lương của cán bộ Ban QLDH dự án Tổng công ty), bao gồm cả Quỹ lương của Cán bộ quản lý chuyên trách	16.000
5	<b>Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)</b>	<b>7.790.568</b>

#### 4.2. Kế hoạch năm 2018 tại Công ty mẹ

4.2.

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH2018
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	400.000
2	LNST sau khi trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	12.000

4.2.

4.2.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

##### 1. Hội đồng quản trị

##### 1.1. Thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Gia Du - Chủ nhân - Đại diện phần vốn NN	Chủ tịch HĐQT	72.700	0,13
			11.962.500	21,75
2	Nguyễn Thế Thành - Chủ nhân	Phó Chủ tịch HĐQT	62.800	0,11
			11.000.000	20

4.2.

4.2.

4.2.

	- Đại diện phần vốn NN			
3	Hoàng Chí Cường - Cá nhân - Đại diện phần vốn NN	Ủy viên HĐQT	102.400 11.550.000	0,19 21
4	Trần Đức Y - Cá nhân - Đại diện phần vốn NN	Ủy viên HĐQT	20.000 11.000.000	0,04 20
5	Trần Thị Minh - Cá nhân	Ủy viên HĐQT	123.700	0,22

### 1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2017, hoạt động của Hội đồng quản trị đã bám sát nội dung Nghị quyết ĐHCĐ và tình hình thực tế của Tổng công ty để đề ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp và kịp thời. HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Tổng công ty đảm bảo theo quy định của Điều lệ. Trong năm HĐQT đã phối hợp tốt với Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát trên tinh thần tôn trọng nguyên tắc làm việc, chủ động trao đổi, phối hợp và lắng nghe ý kiến và giải quyết công việc thuộc chức trách của HĐQT trong thời gian nhanh nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành sản xuất kinh doanh và quản lý các đơn vị có vốn góp.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, áp dụng các quy chế, quy định nội bộ đã ban hành và chỉ đạo xây dựng, cập nhật và sửa đổi, bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2017:

TT	Số NQ	Ngày, tháng	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	20/01/2017	Thông qua việc chi thưởng cho cán bộ quản lý, điều hành Tổng công ty năm 2016.
2	02/NQ-HĐQT	23/02/2017	Thông qua việc bổ nhiệm có thời hạn Kiểm soát viên tại các công ty TNHH MTV do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.
3	03/NQ-HĐQT	28/3/2017	Thông qua các vấn đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty CP bê tông ly tâm An Giang.
4	04/NQ-HĐQT	28/3/2017	Thông qua chủ trương việc hợp tác đầu tư, chuyển quyền dự án khoáng sản đối với hai dự án: Mỏ Cao lanh tại tỉnh Phú Thọ và Mỏ Cao lanh-Penspat tại tỉnh Lào Cai của Công ty CP Đầu tư và khoáng sản Vinaincon.
5	05/NQ-HĐQT	04/4/2017	Thông qua các vấn đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty CP bê



			tông lý tâm Thủ Đức.
6	06/NQ-HĐQT	14/4/2017	Thông qua việc nhân sự đại diện chủ sở hữu phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP bê tông ly tâm Thủ Đức nhiệm kỳ 2017-2021; giới thiệu ứng viên tham gia Ban kiểm soát Công ty CP bê tông ly tâm Thủ Đức nhiệm kỳ 2017-2021.
7	07/NQ-HĐQT	14/4/2017	Thông qua các vấn đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty CP XNK Thương mại hợp tác nhân lực Quốc tế Việt Nam; điều chỉnh nhân sự đại diện chủ sở hữu phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP XNK Thương mại hợp tác nhân lực Quốc tế Việt Nam.
8	08/NQ-HĐQT	04/4/2017	Thông qua các vấn đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; cử nhân sự đại diện chủ sở hữu phần vốn; giới thiệu ứng viên tham gia Ban Kiểm soát tại Công ty CP Kết cấu thép xây dựng.
9	09/NQ-HĐQT	18/4/2017	Thông qua các vấn đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017; cử nhân sự đại diện chủ sở hữu phần vốn; giới thiệu ứng viên tham gia Ban Kiểm soát tại Công ty CP Cơ khí Hồng Nam.
10	10/NQ-HĐQT	19/4/2017	Thông qua việc đề nghị khen thưởng thành tích cao đợt I năm 2017.
11	11/NQ-HĐQT	21/4/2017	Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty CP Đầu tư xây dựng số 5.
12	12/NQ-HĐQT	03/5/2017	Thông qua các nội dung chuẩn bị và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty CP Xây lắp và sản xuất công nghiệp.
13	13/NQ-HĐQT	23/5/2017	Thông qua đơn giá tiền lương năm 2017 của các đơn vị cổ phần Tổng công ty chiếm giữ trên 50% vốn điều lệ.
14	14/NQ-HĐQT	23/5/2017	Thông qua đơn giá tiền lương năm 2017 của Công ty CP Xây lắp và sản xuất công nghiệp.
15	15/NQ-HĐQT	07/6/2017	Thông qua chủ trương cho Công ty CP Đầu tư xây dựng số 5 tìm đối tác để hợp tác lập phương án khai thác và sử dụng hiệu quả mặt bằng tại địa điểm số 9X Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh trình Tổng công ty phê

			duyet khi tổ chức thực hiện.
16	16/NQ-HĐQT	07/6/2017	Thông qua các vấn đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2017; thôi cử Bà Trần Thị Minh làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Tổng công ty; cử nhân sự đại diện chủ sở hữu phần vốn và giới thiệu ứng viên tham gia Ban Kiểm soát tại Công ty CP Cơ khí xây lắp hóa chất nhiệm kỳ 2017-2021.
17	17/NQ-HĐQT	07/6/2017	Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp.
18	18/NQ-HĐQT	12/5/2017	Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 Tổng công ty
19	19/NQ-HĐQT	15/6/2017	Thông qua việc đề cử nhân sự đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp; giới thiệu nhân sự tham gia Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2021.
20	20/NQ-HĐQT	26/6/2017	Thông qua việc điều chỉnh nhân sự đại diện chủ sở hữu phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản VINAINCON.
21	21/NQ-HĐQT	26/6/2017	Thông qua việc kéo dài thời gian đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn.
22	22/NQ-HĐQT	29/6/2017	Thông qua các nội dung: Thôi cử Ông Nguyễn Thế Thành làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Bê tông ly tâm VINAINCON; Thông qua đại diện chủ sở hữu phần vốn Tổng công ty tại Công ty nhiệm kỳ 2014-2018.
23	23/NQ-HĐQT	03/7/2017	Thông qua các nội dung Báo cáo về kết quả SXKD, thực hiện kế hoạch và nghĩa vụ ngân sách năm 2016; Kế hoạch SXKD và hoạt động năm 2017; Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 của Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2 và Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4.
24	24/NQ-HĐQT	21/7/2017	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2016 của Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam.
25	25/NQ-HĐQT	14/7/2017	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam.



26	26/NQ-HĐQT	19/7/2017	Thông qua việc tạm dừng hoạt động của Trung tâm XNK&DV Vật tư kỹ thuật kể từ ngày 01/8/2017.
27	27/NQ-HĐQT	26/7/2017	Thông qua việc ban hành con dấu của Ban điều hành VINAINCON – Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1.
28	28/NQ-HĐQT	03/8/2017	Thông qua việc thành lập Chi nhánh Myanmar – Tổng công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam.
29	29/NQ-HĐQT	22/6/2017	Thông qua kế hoạch giao các đơn vị năm 2017
30	30/NQ-HĐQT	21/8/2017	Thông qua việc bổ nhiệm lại cán bộ tại Công ty TNHH Cơ khí hóa chất Hà Bắc.
31	31/NQ-HĐQT	25/9/2017	Thông qua việc bổ nhiệm lại chức danh Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2.
32	32/NQ-HĐQT	09/10/2017	Thông qua nhân sự đại diện chủ sở hữu phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Đầu tư và sản xuất công nghiệp.
33	33/NQ-HĐQT	11/10/2017	Thông qua việc bổ nhiệm phó Tổng giám đốc Tổng công ty.
34	34/NQ-HĐQT	10/11/2017	Thông qua đề Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn quyết định việc điều chỉnh nhân sự vị trí Giám đốc tại Công ty.
35	35/NQ-HĐQT	04/12/2017	Thông qua việc thống nhất đề Công đoàn Tổng công ty được áp dụng thang lương, bảng lương của Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam.
36	36/NQ-HĐQT	25/12/2017	Thông qua hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn.
37	37/NQ-HĐQT	27/12/2017	Thông qua: Quy chế Công bố thông tin; Quy chế Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với công ty, đơn vị do Tổng công ty nắm 100% vốn và Công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Myanmar – Tổng công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam.

### 1.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty:

Trong bối cảnh năm 2017 nền kinh tế còn rất nhiều khó khăn, hàng loạt các Công ty trong Tổng công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD như: sụt giảm về số lượng cũng như giá trị hợp đồng ký kết, tồn đọng vốn do các chủ đầu tư không thu xếp được nguồn vốn hoặc dẫn tiến độ giải ngân, khó tiếp cận với nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng nên kết quả đạt được không như mong đợi, việc làm và thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc và Cơ quan điều hành đã chủ động nỗ lực làm việc, linh hoạt, kịp thời trong công tác tổ chức sản xuất kinh doanh và quản lý, góp phần quan trọng trong việc giữ vững thị trường, đảm bảo nguồn việc trong điều kiện khó khăn, áp lực nguồn vốn dồn về Tổng công ty nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty năm 2017 vẫn duy trì ổn định và phát triển. Hệ thống các đơn vị của VINAINCON ngày càng có mối quan hệ chặt chẽ hơn, phối hợp, hỗ trợ nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh và chia sẻ kinh nghiệm, phương thức quản lý.

## 2. Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Thu Nga	Trưởng ban	34.200	0,06
2	Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên	17.000	0,03
3	Đặng Quang Cường	Thành viên	0	0

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát Tổng công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty:

+ Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được lành mạnh và minh bạch.

+ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty. Ban lãnh đạo Tổng công ty đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận và kiểm tra tình hình tài chính và các mặt hoạt động của Tổng công ty.

+ Định kỳ 6 tháng, cuối năm Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc và Công ty TNHH MTV do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý các số liệu tài chính, ...

### 3. Các giao dịch, tiền lương cán bộ quản lý, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Thù lao: Thù lao cho HĐQT và BKS Tổng công ty năm 2017: 72 triệu đồng.



